ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57/2024/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 6 tháng 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1006/TTr-STC ngày 26 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Giá.

2. Đối với việc bình ổn giá trong trường hợp mặt bằng giá thị trường hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá: Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh để xây dựng báo cáo bình ổn giá (gồm các nội dung như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP), kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá (gồm các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP) gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng Thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm; phân DAP; phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

c) Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; hình thức định giá và thẩm quyền, trách nhiệm định giá theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá.

2. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh, việc lập phương án giá thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm đ khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ tại khoản 3 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, yêu cầu tổ chức, cá

nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá

a) Sở Giao thông vận tải:

- Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

- Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

- Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

- Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Sở Xây dựng:

- Giá cụ thể nước sạch.

- Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

- Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

- Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

- Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

- Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

đ) Sở Y tế:

- Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

- Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Sở Công Thương: Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

g) Sở Tư pháp: Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

h) Sở quản lý ngành, lĩnh vực:

- Tổ chức thẩm định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.

- Tổ chức thẩm định khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.

4. Trình và ban hành văn bản định giá

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sau khi hoàn thành thẩm định phương án giá, cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá tại khoản 3 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Sau khi hoàn thành thẩm định phương án giá, cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá

tại khoản 3 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

5. Việc điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá: Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này. Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá.

3. Đối tượng thực hiện kê khai giá: Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh An Giang và nằm trong Danh sách kê khai giá theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (sau đây gọi là Danh sách kê khai giá):

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh rà soát tổng thể trên cơ sở đề xuất về Danh sách kê khai giá của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận văn bản kê khai giá theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận, rà soát lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh Danh sách kê khai giá định kỳ vào ngày 10 tháng 01 hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành điều chỉnh Danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống cơ

sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

Điều 7. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

c) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc địa phương quản lý và theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Điều 8. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ của địa phương để gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Chủ trì tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Chủ trì tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường:

a) Cục Thống kê: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

b) Sở Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ, Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

d) Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

đ) Sở Giao thông Vận tải: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

e) Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

h) Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

i) Các cơ sở giáo dục đại học công lập trên địa bàn tỉnh phối hợp với Sở Tài chính báo cáo mức học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học công lập để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

k) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn cấp huyện quản lý đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và thời hạn gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính tổng hợp.

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

b) Tần suất thực hiện báo cáo và thời hạn gửi báo cáo định kỳ: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này xây dựng và gửi báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp hằng tháng, 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng và cả năm trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 06 tháng, 09 tháng và cả năm; đối với báo cáo 06 tháng, 09 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 06 tháng, quý III và 09 tháng, quý IV và cả năm.

c) Đối với báo cáo đột xuất: Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện đảm bảo kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (trong trường hợp chưa có quy định) phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh; trường hợp đã có quy định, hướng dẫn về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở tên gọi chung) do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định này có trách nhiệm rà soát, đề xuất quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản) của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương thuộc lĩnh vực quản lý, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước ngày 31/10/2024 theo quy định tại khoản 6, Điều 29 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

4. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật Giá trên địa bàn tỉnh tiếp tục áp dụng theo mức giá hàng hóa, dịch vụ hiện hành cho đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá mới.

Trên cơ sở mức giá hiện hành, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án hàng hóa, dịch vụ tại khoản 3, Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá mới thay thế theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 28 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP chậm nhất đến ngày 31/12/2024.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ảnh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Đài PTTH An Giang, Báo An Giang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TT.CBTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mừng

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ VÀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN HỒ SƠ KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	**Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước**	
I	**Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	**Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng**	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
9	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ (trường hợp các tổ chức định mức giá cụ thể trên cơ sở khung giá, giá	Sở quản lý ngành, lĩnh vực

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
	tối đa do cơ quan có thẩm quyền ban hành)	
III	**Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành**	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
13	Thiết bị y tế	Sở Y tế
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	**Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương**	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương